

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện
Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế
giai đoạn 2017 – 2020”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 103/TTr-SKHCN ngày 05 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, KHCN;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CT và các PCI UBND tỉnh;
- VP: CVP, PCVP Đ.T.Vinh;
- Lưu: VT, DL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình
phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **43** /2018/QĐ-UBND ngày **09** /**02**/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được cấp văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới (trừ các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).
2. Các cơ quan quản lý nhà nước; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 – 2020 được ưu tiên hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ đối với các đặc sản của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 – 2020.

Chương II CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ

1. Tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.
2. Tạo lập và đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.
3. Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.
4. Tạo lập và đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp.

5. Tạo lập và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của đặc sản địa phương ra nước ngoài: Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước ASEAN và 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ được cấp tại các nước khác.

6. Hỗ trợ tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề trong nước không quá 15 triệu đồng/1 cơ sở cho một lượt tham gia; hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/1 cơ sở cho 1 lượt tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề ở nước ngoài (được cơ quan quản lý lựa chọn). Mỗi cơ sở được hỗ trợ không quá 2 lượt/năm.

Điều 4. Hỗ trợ 50% kinh phí, để thực hiện các dự án

1. Áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản trên địa bàn (kể cả sáng chế của nước ngoài không bảo hộ tại Việt Nam). Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/1 dự án.

2. Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, sáng kiến; áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi; các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, bảo quản nông sản, đặc sản; áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc của sản phẩm; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương gắn với phát triển thương hiệu các đặc sản Huế. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/1 dự án.

Điều 5. Hỗ trợ 70% kinh phí, để thực hiện các dự án

1. Tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/1 dự án.

2. Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 350 triệu đồng/1 dự án.

3. Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/1 dự án.

Điều 6. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí, để thực hiện các nội dung

1. Nâng cao nhận thức về tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

2. Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý và hợp tác về sở hữu trí tuệ nhằm thực hiện Chương trình.

Điều 7. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

1. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ 100% định mức kinh phí theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 của Quy định này.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu, xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Ngân sách sự nghiệp của các ngành chủ trì tổ chức hội chợ, triển lãm hỗ trợ 100% mức kinh phí theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện, các ngành dự kiến kế hoạch và dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ 100% mức kinh phí theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

Các nhiệm vụ quy định tại khoản này được thực hiện như một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia. Việc đề xuất, tuyển chọn, quản lý nhiệm vụ thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh bảo đảm 100% kinh phí theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu, xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định.



d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm của Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Các Sở, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế: theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các tổ chức, cá nhân liên quan: đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định. Định kỳ báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *W*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ